

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 03 - 01 - 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Hoàng Thu
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh: Ông Đồng Văn Nam, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2022 và ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 534/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 533/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 438/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Hải L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Ngọc Anh Khôi, sinh năm 1984

Địa chỉ: E8/3 Tân Túc, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Cẩm H;

3.2. Bà Võ Thị Thanh T;

3.3. Ông Võ Hữu N;

3.4. Ông Võ Hữu T;

3.5. Bà Huỳnh Thị Trúc M;

Cùng địa chỉ: Xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2019 của nguyên đơn ông Bùi Hải L và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc Anh Khôi đã trình bày:

Ông Bùi Hải L có các phần đất gồm phần đất diện tích 86,1 m² thuộc thửa 518, tờ bản đồ số 64 (được UBND huyện Bình Chánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 973777, số vào sổ cấp GCN CS 03651); phần đất diện tích 615,5 m² thuộc thửa 519, tờ bản đồ số 64 (được UBND huyện Bình Chánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 973779, số vào sổ cấp GCN CS 03650); phần đất diện tích 377 m² thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 64 (được UBND huyện Bình Chánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 973778 (số vào sổ cấp GCN CS 03649) cùng tọa lạc tại xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp cho ông Nguyễn Trọng T và cập nhật sang tên ông Bùi Hải L vào ngày 14/12/2015. Ông L sử dụng ổn định các phần đất này từ đó cho đến nay. Gia đình bà Võ Thị N sử dụng nhà và đất thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 64 tại địa chỉ C4/31 tổ 45, ấp 3, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh liên kề với ranh các phần đất trên của ông Bùi Hải L. Trong quá trình sử dụng đất, bà Võ Thị N đã lấn chiếm các phần đất nêu trên. Ông L đã nhiều lần yêu cầu bà N tiến hành đo vẽ để xác định lại ranh giới các bên nhưng bà N không đồng ý. Vụ việc đã được UBND xã Hưng Long hòa giải vào ngày 29/06/2017 nhưng không thành. Do đó, ông Bùi Hải L khởi kiện yêu cầu tuyên buộc bà Võ Thị N trả lại phần đất đã lấn chiếm. Ngày 24/02/2021, ông Bùi Hải L có đơn khởi kiện bổ sung và yêu cầu những thành viên trong gia đình bà Võ Thị N là bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh Thúy, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M cùng có trách nhiệm trả lại phần đất đã lấn chiếm.

Về phía bị đơn bà Võ Thị N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bà N, bà H, bà T, ông N, ông T và bà M thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 178; Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Hải L, ông Trịnh Ngọc Anh K trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu buộc bà Võ Thị N, bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M có trách nhiệm trả lại phần đất lấn chiếm có tổng diện tích lấn chiếm là 34,3 m² thuộc 1 phần các thửa 518, 519, 520 tờ bản đồ số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó gồm phần đất chiếm có diện tích 1,1 m² thuộc một phần thửa đất số 518 tờ bản đồ số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng vị trí 13, 14, 15 của Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 02/03/2020 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 973777 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trọng T ngày 11/9/2015, cập nhật sang tên ông Bùi Hải L ngày 14/12/2015; phần đất lấn chiếm có diện tích 11,6 m² thuộc một phần thửa đất số 519 tờ bản đồ số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng vị trí 4,5,6,9,10,11 của Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 02/03/2020 theo Giấy

chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 973779 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trọng T ngày 11/9/2015, cập nhật sang tên ông Bùi Hải L ngày 14/12/2015; phần đất lấn chiếm có diện tích 21,6 m² thuộc một phần thửa đất số 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng vị trí 21,22,23,24 của Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 02/03/2020 theo Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 973778 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trọng T ngày 11/9/2015, cập nhật sang tên ông Bùi Hải L ngày 14/12/2015 cho ông Bùi Hải L. Về chi phí tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Hải L tự nguyện chịu.

Bị đơn bà Võ Thị N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh ông Đồng Văn Nam, Kiểm sát viên trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xem xét và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Ông Bùi Hải L khởi kiện bà Võ Thị N, bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M và phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp 3, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp Quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Bùi Hải L là ông Trịnh Ngọc Anh K có mặt; Bị đơn bà Võ Thị N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Hải L. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Bùi Hải L sử dụng phần đất có tổng diện tích là 1078,6 m² thuộc các thửa 518, 519, 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo

các Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 973777 (số vào sổ cấp GCN số CS03651), CA 973778 (số vào sổ cấp GCN số CS03649), CA 973779 (số vào sổ cấp GCN số CS03650) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trọng Tngày 11/9/2015, cập nhật sang tên ông Bùi Hải L ngày 14/12/2015.

[2.2] Võ Thị N, bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M sử dụng phần đất thửa đất số 43, tờ bản đồ số 64, toạ lạc tại địa chỉ Xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giáp ranh với phần đất của ông Bùi Hải L,

[2.3] Ngày 11/10/2019, Toà án nhân dân huyện Bình tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và chứng kiến đo vẽ hiện trạng, vị trí và áp ranh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Theo nội dung Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tại phần đất tranh chấp thì diện tích, hiện trạng khu đất sẽ được thể hiện cụ thể trên Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Trung tâm đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, phần hiện trạng đất là đất trồng, giáp ranh phần đất tranh chấp có trồng cây ôi, dừa, đu đủ, mít.

[2.4] Ngày 02/3/2020, Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh đối với phần đất tranh chấp. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh, phần hiện trạng tỷ lệ 1/500, thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích là 34,3 m² thuộc 1 phần các thửa 518, 519, 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Hải L theo các Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 973777 (số vào sổ cấp GCN số CS03651), CA 973778 (số vào sổ cấp GCN số CS03649), CA 973779 (số vào sổ cấp GCN số CS03650) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trọng Tngày 11/9/2015, cập nhật sang tên ông Bùi Hải L ngày 14/12/2015.

[2.5] Ngày 27/7/2020, Toà án tiến hành xác minh cư trú, Công an xã Hưng Long trả lời tại địa chỉ, xã H có tất cả 06 nhân khẩu gồm Võ, Thị Ninh, Võ Thị Cẩm H, Võ Thị Thanh T, Võ Hữu N, Võ Hữu T, Huỳnh Thị Trúc M.

[2.6] Theo công văn trả lời số 7365/CNBC-LT ngày 28/10/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Bình Chánh thì phần đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa 518, 519, 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Hải L theo các Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 973777 (số vào sổ cấp GCN số CS03651), CA 973778 (số vào sổ cấp GCN số CS03649), CA 973779 (số vào sổ cấp GCN số CS03650) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trọng Tngày 11/9/2015, cập nhật sang tên ông Bùi Hải L ngày 14/12/2015.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh có bài phát biểu ý kiến về quá trình tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, Quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước bảo hộ, không có cá nhân, tổ chức nào được quyền lấn, chiếm trái phép. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 02/03/2020, tổng diện tích mà hộ bà Võ Thị N lấn chiếm của ông Bùi Hải L là 34,3 m² thuộc

1 phần các thửa 518, 519, 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể gồm phần đất có diện tích 1,1 m² thuộc một phần thửa đất số 518 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tương ứng vị trí 13, 14, 15; phần đất có diện tích 11,6 m² thuộc một phần thửa đất số 519 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tương ứng vị trí 4,5,6,9,10,11; phần đất có diện tích 21,6 m² thuộc một phần thửa đất số 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tương ứng vị trí 21,22,23,24 nên việc bà Võ Thị N, bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M lấn chiếm và sử dụng trái phép phần đất trên của ông Bùi Hải L là trái quy định pháp luật.

[5] Căn cứ các Điều 265; 266 Bộ luật Dân sự năm 2005 ; Điều 175; Điều 176; Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 135; 136 Luật đất đai; Điều 6; 12; 26; 166; 169; 170 Luật đất đai năm 2013. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị N, bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M chấm dứt hành vi lấn chiếm trái phép và trả lại phần đất diện tích là 34,3 m² thuộc 1 phần các thửa 518, 519, 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Bùi Hải L.

[6] Về chi phí tố tụng: nguyên đơn ông Bùi Hải L tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Võ Thị N, bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 265, 266 Bộ luật Dân sự năm 2005 ; Điều 175, Điều 176, Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Luật Đất đai năm 2003; Điều 6, 12, 26, 166, 169, 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hải L về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất” đối với bà Võ Thị N, bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M.

2. Buộc bà Võ Thị N, bà Võ Thị Cẩm H, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu T, bà Huỳnh Thị Trúc M chấm dứt hành vi lấn chiếm trái phép và trả lại phần đất diện tích là 34,3 m² thuộc 1 phần các thửa 518, 519, 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố

Hồ Chí Minh, trong đó trả lại phần đất có diện tích 1,1 m² thuộc một phần thửa đất số 518 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng vị trí 13, 14, 15; trả lại phần đất có diện tích 11,6 m² thuộc một phần thửa đất số 519 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng vị trí 4,5,6,9,10,11; trả lại phần đất có diện tích 21,6 m² thuộc một phần thửa đất số 520 tờ bản số 64 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng vị trí 21,22,23,24 của Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 02/03/2020 và theo các Giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 973777 (số vào sổ cấp GCN số CS03651), CA 973778 (số vào sổ cấp GCN số CS03649), CA 973779 (số vào sổ cấp GCN số CS03650) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trọng Tngày 11/9/2015, cập nhật sang tên ông Bùi Hải L ngày 14/12/2015 cho ông Bùi Hải Long.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Hải L tự nguyện chịu nên chấp nhận, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị N, Võ Thị Cẩm H, Võ Thị Thanh T, Võ Hữu N, Võ Hữu T, Huỳnh Thị Trúc M phải liên đới chịu 300.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho ông Bùi Hải L số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002556 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Long Toàn